

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2024

V/v: Ly hôn giữa chị Hà và anh Úy

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hùng

Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2024 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Ú, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai quá trình giải quyết nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Ú tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/1999. Trong quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ

chồng không có tiếng nói chung. Từ năm 2011 đến nay chị và anh **Ú** đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên nguyện vọng của chị được xin ly hôn anh **Phạm Văn Ú**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là **Phạm Thị Thùy L**, sinh ngày 08/10/2002 và **Phạm Thị Q**, sinh ngày 06/8/2005; Hiện hai con đã trưởng thành khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh **Phạm Văn Ú**, anh **Ú** không có mặt tại địa phương, Tòa án đã làm thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để cho anh **Phạm Văn Ú** biết, anh **Ú** không đến Tòa án cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc chị **Phạm Thị H** xin ly hôn.

*Kết quả thu thập chứng cứ tại **UBND xã X**.*

Chị **Phạm Thị H** và anh **Phạm Văn Ú** là người có nơi cư trú tại **xã X**.

Khi Tòa án gửi các văn bản tố tụng thông qua địa phương để tổng đạt cho anh **Phạm Văn Ú**, do anh **Ú** không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã làm thủ tục liên yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú và tại trụ sở **UBND xã X** theo quy định của pháp luật. Anh **Ú** đi làm ăn ở Hà Nội nhưng vẫn thường xuyên về quê.

* Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị H** và anh **Phạm Văn Ú** tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được **Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định** đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/1999. Chị **H** và anh **Ú** mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ năm 2011 đến nay chị **H** và anh **Ú** đã sống ly thân, hôn nhân hạnh phúc đã tan vỡ. Căn cứ vào lời trình bày của **H** cũng như thực trạng hôn nhân của các bên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **H** được ly hôn anh **Phạm Văn Ú**.

* Về con chung: Chị **H** và anh **Ú** có 02 con chung tên là **Phạm Thị Thùy L**, sinh ngày 08/10/2002 và **Phạm Thị Q**, sinh ngày 06/8/2005; Hiện hai con của anh chị đều đã trưởng thành. Căn cứ vào lời trình bày của chị **H** khi ly hôn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp

* Về tài sản: Ở địa phương chị **H** và anh **Ú** có tài sản, chị **H** không yêu cầu Tòa án xem xét là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá

trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật;

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý hôn giữa chị **Phạm Thị H** và anh **Phạm Văn Ú**.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị H** và anh **Phạm Văn Ú** đến với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị **H** và anh **Ú** sống không hạnh phúc hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hoà hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Anh **Phạm Văn Ú** không có mặt tại địa phương, Toà án đã làm thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng để cho anh **Ú** biết, anh **Ú** không đến Toà án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản của mình cho Toà án về việc chị **H** xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ anh **Ú** không thiết tha mặn mà với cuộc hôn nhân của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị **H** anh **Ú** là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **H** xin ly hôn Uy là phù hợp nên HĐXX sẽ chấp nhận yêu cầu của chị **H** là xử cho ly hôn với anh **Ú** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **H** và anh **Ú** có 02 con chung tên là **Phạm Thị Thùy L**, sinh ngày 08/10/2002 và **Phạm Thị Q**, sinh ngày 06/8/2005; Nay hai con của anh chị đã trưởng thành, chị **H** không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị **H** yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Phạm Thị H** và anh **Phạm Văn Ú**.

2. Về con chung: Chị **Phạm Thị H** không yêu cầu Tòa án xem xét.

3. Về tài sản: Chị **Phạm Thị H** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Phạm Thị H** phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000193 ngày 24/5/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị **Phạm Thị H** đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã .
- Các đương sự : 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Long

